

Bản án số: **58/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 6 - 2019

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 49/2019/QĐST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lưu Thúc K**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Nguyễn Đức V**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai đề ngày 11/02/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lưu Thúc K trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị K và anh V cưới nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2010. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tính không hòa hợp, anh V thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới vợ con, thời gian sau anh còn lấn nhả bên ngoài nên chị có ghen tuông và cũng chính vì vậy mâu thuẫn luôn xảy ra, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên không thể hàn gắn lại được mà yêu cầu được ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung tên là Nguyễn Gia T, sinh ngày 06/10/2010. Hiện cháu T đang sống với anh V.

Khi ly hôn, chị K đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con và chị không cấp dưỡng nuôi con, mà khi đến thăm con chị sẽ tự cho riêng con chị bên ngoài.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

- **Tại phiên Tòa:** chị K vẫn giữ yêu cầu khởi kiện không thay đổi gì.

* Đối với anh Nguyễn Đức V là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

** Về tuân theo pháp luật tố tụng :*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn là anh Nguyễn Đức V vắng mặt không lý do là vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh V.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia T, sinh ngày 06/10/2010 cho anh V nuôi dưỡng và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Chị K không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức V đã được Tòa án triệu tập hợp **lệ lần** thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thúy K và anh Nguyễn Đức V cưới nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại vào năm 2010 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V được công nhận hợp pháp.

Nay chị K yêu cầu ly hôn, anh V vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như lời khai của chị K đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh V thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới vợ con, thời gian sau anh còn lấn nhấn bên ngoài nên chị có ghen tuông, cũng chính vì vậy mà cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn sống không hạnh phúc, đã ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, chị K đi làm xa ở Thành phố Hồ Chí Minh ít về nhà, không ai quan tâm đến ai, giữa chị K và anh V đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình.

Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời chị K và anh V để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh V đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị K và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị K là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh V.

[3]. *Về nuôi con chung:* Trong quá trình sống chung giữa chị K và anh V có 01 con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 06/10/2010. Khi ly hôn, chị K đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T, xét thấy từ trước đến nay cháu T đều sống với anh V. Việc anh V nuôi con chung vẫn phát triển bình thường. Đối với cháu T tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa chị K và anh V, thì cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với anh V; nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, cần để cháu T cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử để anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và chị K không cấp dưỡng nuôi con, **do anh V vắng mặt nên không có ý kiến hay yêu cầu về cấp** dưỡng, nhưng khi cần thiết anh V có quyền khởi kiện yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con bằng 01 vụ án dân sự khác.

[4]. *Về tài sản chung:* Chị K khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về nợ chung:* Chị K khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lưu Thúy K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thúy K đối với anh Nguyễn Đức V.

Cho ly hôn giữa chị Lưu Thúy K đối với anh Nguyễn Đức V.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Thúy K và anh Nguyễn Đức V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Gia T, sinh ngày 06/10/2010 cho anh Nguyễn Đức V trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu T và chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Chị K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị K khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị K khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lưu Thúy K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001378 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Lưu Thúy K đã nộp đủ án phí.

Chị Lưu Thúy K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Đức V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T (Số 46, ngày 23/8/2010) ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong – Huỳnh Khắc Đoàn Cương Trần Thị Mỹ Duyên